



# BÀI THỰC HÀNH 1

# Nội dung bài thực hành 1

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Tạo local users
3. Thiết lập mạng ngang hàng

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

Tạo các máy ảo với HDH:

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server (cài đặt)
  - Tên máy W2K3xx, với xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là MMTxx
  - Dùng NIC VMNet1
  - Administrator không có password
  - JB88F-WT2Q3-DPXTT-Y8GHG-7YYQY

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh
  - Đổi tên máy W2Kxx
  - Workgroup là MMTxx
  - Dùng NIC là VMNet1

## 2. Tạo local users

---

Tạo các local users:

- us11, us12: không có password
- us21, us22: password là us21, us22

# NTFS permissions

---

Tạo các folders trên đĩa C máy Serverxx

- Data1
  - us11, us12 : read&execute, write
- Data1\data11: us11 Full Control
- Data1\data12: us12 Full Control
- Data2
  - us21, us22: read&execute, write

Logon bằng us11, us12, us21, us22 để kiểm tra

### 3. Thiết lập mạng ngang hàng

---

- Kiểm tra cấu hình của máy W2Kxx, máy W2K3xx
  - Tên máy
  - Workgroup
  - Địa chỉ IP
- Thiết lập mạng ngang hàng giữa W2Kxx và W2K3xx



# Shared Folders

---

- Tạo các folders:
  - Share2K trên máy W2Kxx
  - Share2K3 trên máy W2K3xx
- Chia sẻ (share) các folders với quyền truy xuất mặc định:
  - Share2K trên máy W2Kxx
  - Share2K3, Data1, Data2 trên máy W2K3xx
- Lần lượt logon vào máy W2Kxx bằng us11, us12, us21, us22 để truy xuất các shared folders → Nhận xét

## BÀI THỰC HÀNH 2

# Nội dung bài thực hành 2

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập mạng ngang hàng
3. Thiết lập và kiểm tra địa chỉ IP

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

Tạo các máy ảo với HDH:

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Sxx, với xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là WGxx
  - Dùng NIC VMNet1

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Wxx
  - Workgroup là WGxx
  - Dùng NIC là VMNet1

# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u1, u2: không có password
- u3: password là u3, tạo khi logon lần thứ nhất
- u4: password là u4, tạo khi logon lần thứ nhất

Tạo các local group trên Sxx:

- GroupA: có 2 thành viên là u1 và u2
- GroupB: có 2 thành viên là u3 và u4

# NTFS permissions

---

Tạo các folders trên đĩa C máy Serverxx

- DataA
  - GroupA: read&execute, write
- DataA\data1: u1 Full Controll
- DataB
  - GroupB: read&execute, write
- Public: GroupA và Group B Full Controll

Logon bằng u1, u2, u3, u4 để kiểm tra

# Shared Folders

---

- Tạo các folders:
  - PublicW trên máy Wxx
- Chia sẻ (share) các folders với quyền truy xuất mặc định :
  - PublicW trên máy Wxx
  - Data1, Data2, Public trên máy Sxx



## 2. Thiết lập mạng ngang hàng

---

- Thiết lập mạng ngang hàng giữa S<sub>xx</sub> và W<sub>xx</sub>:
  - Kiểm tra tên máy, địa chỉ IP, workgroup
- Lần lượt logon vào máy W<sub>xx</sub> bằng u<sub>1</sub>, u<sub>2</sub>, u<sub>3</sub>, u<sub>4</sub>, administrator để truy xuất các shared folders → Nhận xét
- Đổi tên workgroup thành NEW<sub>xx</sub>:
  - Kiểm tra lại việc truy xuất các shared folders

### 3. Thiết lập, kiểm tra địa chỉ IP

---

- Lần lượt thay đổi card mạng trên Wxx:
  - Bridge
  - Host-only (VMNet1)
  - NAT (VMNet8)
- Dùng lệnh [ipconfig /release], [ipconfig/renew] để ghi nhận giá trị IP (ip address, subnet mask, gateway, DNS server)

# Thiết lập địa chỉ IP

---

- Lần lượt thay đổi card mạng trên Wxx:
  - Host-only (VMNet1)
  - NAT (VMNet8)
- Lần lượt thiết lập địa chỉ IP tĩnh cho máy Wxx dùng địa chỉ riêng (private address):
  - Mạng lớp A (10.x.x.x)
  - Mạng lớp B (172.16.x.x)
  - Mạng lớp C (192.168.x.x)

# Thiết lập địa chỉ IP (tt)

---

- Thực hiện các thay đổi tương ứng trên máy Sxx để duy trì mạng ngang hàng đã tạo

# BÀI THỰC HÀNH 2A

# Nội dung bài thực hành 2

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập mạng ngang hàng
3. Thiết lập và kiểm tra địa chỉ IP

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

Tạo các máy ảo với HDH:

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Sxx, với xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là WGxx
  - Dùng NIC VMNet1
  - Tạo thêm card mạng thứ 2 – dùng VMNet8

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Wxx
  - Workgroup là WGxx
  - Dùng NIC là VMNet1



# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u1, u2: không có password
- u3: password là u3, tạo khi logon lần thứ nhất
- u4: password là u4, tạo khi logon lần thứ nhất

Tạo các local group trên Sxx:

- GroupA: có 2 thành viên là u1 và u2
- GroupB: có 2 thành viên là u3 và u4

# NTFS permissions

---

Tạo các folders trên đĩa C máy Sxx

- DataA
  - GroupA: read&execute, write
- DataA\data1: u1 Full Controll
- DataB
  - GroupB: read&execute, write
- Public: GroupA và Group B Full Controll

Logon bằng u1, u2, u3, u4 để kiểm tra

# Shared Folders

---

- Tạo các folders:
  - PublicW trên máy Wxx
- Chia sẻ (share) các folders với quyền truy xuất:
  - Máy Wxx:
    - PublicW – u1, u2 read; u3, u4 full control
  - Máy Sxx:
    - DataA – GroupA full control
    - DataB – Group B full control
    - Public – GroupA, GroupB full control

## 2. Thiết lập mạng ngang hàng

---

- Thiết lập mạng ngang hàng giữa S<sub>xx</sub> và W<sub>xx</sub>:
  - Kiểm tra tên máy, địa chỉ IP, workgroup
- Lần lượt logon vào máy W<sub>xx</sub> bằng u<sub>1</sub>, u<sub>2</sub>, u<sub>3</sub>, u<sub>4</sub>, administrator để truy xuất các shared folders → Nhận xét
- Đổi tên workgroup thành NEW<sub>xx</sub>:
  - Kiểm tra lại việc truy xuất các shared folders

### 3. Thiết lập, kiểm tra địa chỉ IP

---

- Lần lượt thay đổi card mạng trên Wxx:
  - Bridge
  - Host-only (VMNet1)
  - NAT (VMNet8)
- Dùng lệnh [ipconfig /release], [ipconfig/renew] để ghi nhận giá trị IP (ip address, subnet mask, gateway, DNS server)

# Thiết lập địa chỉ IP

---

- Lần lượt thay đổi card mạng trên Wxx:
  - Host-only (VMNet1)
  - NAT (VMNet8)
- Lần lượt thiết lập địa chỉ IP tĩnh cho máy Wxx dùng địa chỉ riêng (private address):
  - Mạng lớp A (10.x.x.x)
  - Mạng lớp B (172.16.x.x)
  - Mạng lớp C (192.168.x.x)

# Thiết lập địa chỉ IP (tt)

---

- Thực hiện các thay đổi tương ứng trên máy Sxx để duy trì mạng ngang hàng đã tạo

# Thiết lập dùng chung kết nối Internet

---

- Thiết lập cấu hình IP trên  $S_{xx}$  để  $S_{xx}$  có thể truy cập Internet
- Thiết lập cấu hình IP trên  $W_{xx}$  để  $W_{xx}$  có thể truy cập Internet
- Thiết lập cấu hình IP trên  $S_{xx}$  và  $W_{xx}$ :
  - $S_{xx}$  có thể truy cập Internet từ card mạng vật lý của máy  $B_{xx}$
  - $W_{xx}$  có thể truy cập Internet từ máy  $S_{xx}$



# BÀI THỰC HÀNH 3

# Nội dung bài thực hành 3

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập cấu hình DNS
3. Thiết lập cấu hình Telnet
4. Thiết lập Remote Desktop Connection
5. Thiết lập cấu hình FTP Server

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

Tạo các máy ảo với HDH:

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy SERVER<sub>xx</sub>
    - xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là WORKGROUP<sub>xx</sub>
  - Dùng NIC VMNet
    - IP tĩnh – 172.16.xx.1 /16

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy STATION<sub>xx</sub>
  - Workgroup là WORKGROUP<sub>xx</sub>
  - Dùng NIC là VMNet1
    - IP tĩnh – 172.16.xx.2 /16

# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u1: password là u1, tạo khi logon lần thứ nhất
- u2: password là u2, tạo khi logon lần thứ nhất
- u3, u4: không có password

## 2. Thiết lập cấu hình DNS

---

- Cài đặt DNS server trên máy SERVER<sub>xx</sub>
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Networking Services
  - chọn DNS
- Tạo vùng ZONE<sub>xx</sub>.ORG
- Tạo các records:
  - FTP.ZONE<sub>xx</sub>.ORG
  - TEST.ZONE<sub>xx</sub>.ORG
- Kiểm tra các tên đã tạo từ máy STATION<sub>xx</sub>

### 3. Thiết lập cấu hình Telnet

---

- Máy SERVER<sub>xx</sub>:
  - Khởi động Telnet Server
  - Đưa các users đã tạo vào nhóm TelnetClients
- Máy STATION<sub>xx</sub>:
  - Vào Command Prompt
  - Thực hiện lệnh  
telnet TEST.ZONEXX.ORG
  - Lần lượt login bằng ud601, ud602, ud603, ud604 → Nhận xét

## 4. Thiết lập Remote Desktop Connection

---

- Máy SERVER<sub>xx</sub>:
  - Tạo shared folder với sharename là SETUP từ `\windows\system32\clients\tsclient`
- Máy STATION<sub>xx</sub>:
  - Logon với username là administrator
  - Thực thi chương trình `setup.exe` trong [\\SERVER<sub>xx</sub>\SETUP\win32](#)
  - Có Remote Desktop Connection trong StartMenu/Programs



# Thiết lập Remote Desktop Connection (tt)

---

- Cho phép remote connection trên máy **SERVER<sub>xx</sub>**:
  - System properties → Remote
  - Thêm (add) các remote desktop users: u1, u2, u3, u4
- Thực thi Remote Desktop Connection trên máy **STATION<sub>xx</sub>**
  - Logon vào **SERVER<sub>xx</sub>** bằng các username u1, u2, u3, u4 → Nhận xét

## 5. Thiết lập cấu hình FTP

---

- Cài đặt FTP server trên máy SERVER<sub>xx</sub>
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Application Server
  - IIS
  - Chọn FTP Service

# Thiết lập cấu hình FTP Site

---

- Tạo folder FTPROOT trên đĩa C: máy SERVERxx với everyone có quyền full control
- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập FTP site với:
  - Home Directory: FTPROOT
  - Quyền truy xuất: read, write
- Truy xuất từ máy STATIONxx dùng:
  - Internet Explorer
  - Windows Explorer

# BÀI THỰC HÀNH 4

# Nội dung bài thực hành 4

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập cấu hình DNS
3. Thiết lập cấu hình FTP Server
4. Thiết lập cấu hình Web Server
5. Thiết lập cấu hình Mail Server

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

Tạo các máy ảo với HDH:

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Sxx
    - xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là TESTxx
  - Dùng NIC VMNet
    - IP tĩnh – 172.20.xx.1 /16

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Wxx
  - Workgroup là TESTxx
  - Dùng NIC là VMNet1
    - IP tĩnh – 172.20.xx.200 /16

# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u41: password là u41
- u42: password là u42
- u43, u44: không có password



## 2. Thiết lập cấu hình DNS

---

- Cài đặt DNS server trên máy Sxx
- Tạo vùng DOMAINxx.ORG
- Tạo các records:
  - [FTP.DOMAINxx.ORG](#)
  - [WWW.DOMAINxx.ORG](#)
  - [WWW.Sxx.DOMAINxx.ORG](#)
  - [MAIL.DOMAINxx.ORG](#)
- Kiểm tra các tên đã tạo từ máy Sxx, Wxx

### 3. Thiết lập cấu hình FTP

---

- Cài đặt FTP server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Application Server
  - IIS
  - Chọn FTP Service

# Thiết lập cấu hình FTP Site

---

- Tạo folder FTPROOT trên đĩa C: máy Sxx với everyone có quyền full control
- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập FTP site với:
  - Home Directory: FTPROOT
  - Quyền truy xuất: read, write
- Truy xuất từ máy Sxx với tên [FTP.DOMAINxx.ORG](http://FTP.DOMAINxx.ORG) dùng:
  - Internet Explorer
  - Windows Explorer

## 4. Thiết lập cấu hình Web Server

---

- Cài đặt Web Server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Application Server
  - IIS
  - Chọn World Wide Web Service
- Sao chép thư mục WebData từ đĩa R (máy Bxx) vào FTPROOT (máy Sxx)

# Thiết lập cấu hình Web Site

---

- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập các Web Site:
  - WWW.DOMAIN<sub>xx</sub>.ORG
    - Home Directory
    - Host Header Name: WWW.DOMAIN<sub>xx</sub>.ORG
  - WWW.S<sub>xx</sub>.DOMAIN<sub>xx</sub>.ORG
    - Home Directory
    - Host Header Name: WWW.S<sub>xx</sub>.DOMAIN<sub>xx</sub>.ORG

# Thiết lập cấu hình Web Site (tt)

---

- Truy xuất các Web Site đã tạo từ máy Sxx, Wxx
  - Chú ý: thông số DNS server trong thông số IP của các máy

## 5. Thiết lập cấu hình Mail Server

---

- Cài đặt Mail Server trên máy Sxx
  - Administrative Tools
  - Configure Your Server Wizard
  - Chọn Mail server (POP3, SMTP)
  - Domain: DOMAIN<sub>xx</sub>.ORG

# Thiết lập cấu hình Mail Server (tt)

---

- Administrative Tools → POP3 Service
- Add mailbox trong DOMAINXX.ORG:
  - Mail1
  - Mail2
- Dùng Outlook Express để tạo và gửi mail:
  - [Mail1@domainxx.org](mailto:Mail1@domainxx.org) trên Sxx
  - [Mail2@domainxx.org](mailto:Mail2@domainxx.org) trên Wxx



# Thiết lập cấu hình Mail Server (tt)

---

- Dùng Windows Explorer kiểm tra tình trạng các mailbox trong quá trình gửi nhận.
  - Trên Sxx: C:\Inetpub\mailroot\Mailbox

# BÀI THỰC HÀNH 5

# Nội dung bài thực hành 5

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập cấu hình DNS
3. Thiết lập cấu hình FTP Server
4. Thiết lập cấu hình Web Server

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Thêm card mạng thứ 2 dùng NAT (VMNet8)
  - Đổi tên máy Sxx, với xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là SAMPLExx
  - Địa chỉ IP:
    - Card mạng 1 (VMNet1) – 192.168.xx.23 /24
    - Card mạng 2 (VMNet8) – 172.31.xx.23 /16

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Wxx
  - Workgroup là SAMPLExx
  - Dùng NIC là VMNet1
    - IP tĩnh – 192.168.xx.20 /24

# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u51, u52: không có password
- u53: password là u53
- u54: password là u54

## 2. Thiết lập cấu hình DNS

---

- Cài đặt DNS server trên máy S<sub>xx</sub>
- Tạo vùng TEST<sub>xx</sub>.PRO
- Tạo các records:
  - FTP.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - WWW.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - WWW.S<sub>xx</sub>.TEST<sub>xx</sub>.PRO
- Kiểm tra các tên đã tạo từ máy S<sub>xx</sub>, W<sub>xx</sub>

### 3. Thiết lập cấu hình FTP

---

- Cài đặt FTP server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
    - Add/Remove Windows Components
      - Application Server
        - IIS
          - Chọn FTP Service



# Thiết lập cấu hình FTP Site

---

- Tạo folder FTP trên đĩa C: máy Sxx với everyone có quyền full control
- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập FTP site với:
  - Home Directory: FTP
  - Quyền truy xuất: read, write
- Truy xuất từ máy Sxx, Wxx với tên [FTP.TESTxx.PRO](#) dùng:
  - Internet Explorer
  - Windows Explorer

## 4. Thiết lập cấu hình Web Server

---

- Cài đặt Web Server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Application Server
  - IIS
  - Chọn World Wide Web Service
- Sao chép thư mục WebData từ đĩa R (máy Bxx) vào FTP (máy Sxx)

# Thiết lập cấu hình Web Site

---

- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập các Web Site:
  - WWW.TEST<sub>xx</sub>.PRO
    - Home Directory
    - Host Header Name: WWW.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - WWW.S<sub>xx</sub>.TEST<sub>xx</sub>.PRO
    - Home Directory
    - Host Header Name: **WWW.S<sub>xx</sub>.TEST<sub>xx</sub>.PRO**

# Thiết lập cấu hình Web Site (tt)

---

- Truy xuất các Web Site đã tạo từ máy Sxx, Wxx
  - Chú ý: thông số DNS server trong thông số IP của các máy
- Chuyển card mạng của máy Wxx sang VMNet8:
  - Điều chỉnh địa chỉ IP để truy xuất các web sites từ máy Wxx

# BÀI THỰC HÀNH 6

# Nội dung bài thực hành 6

---

1. Chuẩn bị môi trường
2. Thiết lập cấu hình DNS
3. Thiết lập cấu hình FTP Server
4. Thiết lập cấu hình Web Server
5. Thiết lập cấu hình Mail Server

# 1. Chuẩn bị môi trường

---

- Windows 2003 Server Standard Edition, Stand-alone server
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Thêm card mạng thứ 2 dùng NAT (VMNet8)
  - Đổi tên máy Sxx, với xx là số thứ tự máy
  - Workgroup là TESTxx
  - Địa chỉ IP:
    - Card mạng 1 (VMNet1) – 10.10.xx.23 /8
    - Card mạng 2 (VMNet8) – 172.16.xx.23 /16

# Chuẩn bị môi trường (tt)

---

- Windows 2000 Professional
  - Sao chép ảnh máy ảo
  - Đổi tên máy Wxx
  - Workgroup là TESTxx
  - Dùng NIC là VMNet1
    - IP tĩnh – 10.10.xx.20 /8



# Tạo local users, local groups

---

Tạo các local users trên Sxx, và Wxx:

- u61: password là u61
- u62: password là u62
- u63: password là u63
- u64: password là u64

## 2. Thiết lập cấu hình DNS

---

- Cài đặt DNS server trên máy Sxx
- Tạo vùng TESTxx.PRO
- Tạo các records:
  - FTP1.TESTxx.PRO (dùng NIC1)
  - FTP2.TESTxx.PRO (dùng NIC2)
  - WWW.TESTxx.PRO (dùng NIC1)
  - WWW.Sxx.TESTxx.PRO (dùng NIC2)
- Kiểm tra các tên đã tạo từ máy Sxx, Wxx

### 3. Thiết lập cấu hình FTP

---

- Cài đặt FTP server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
    - Add/Remove Windows Components
      - Application Server
        - IIS
          - Chọn FTP Service

# Thiết lập cấu hình FTP Site

---

- Thiết lập FTP site 1 với:
  - Tên FTP1.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - Home Directory: FTP1
  - Quyền truy xuất: read
- Thiết lập FTP site 2 với:
  - Tên FTP2.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - Home Directory: FTP2
  - Quyền truy xuất: read, write
- Truy xuất các FTP site đã tạo từ máy S<sub>xx</sub>, W<sub>xx</sub>

## 4. Thiết lập cấu hình Web Server

---

- Cài đặt Web Server trên máy Sxx
  - Add/remove programs
  - Add/Remove Windows Components
  - Application Server
  - IIS
  - Chọn World Wide Web Service
- Sao chép thư mục WebData từ đĩa R (máy Bxx) vào máy Sxx

# Thiết lập cấu hình Web Site

---

- Dùng IIS Manager
  - Administrative Tools
  - IIS manager
- Thiết lập các Web Site:
  - WWW.TEST<sub>xx</sub>.PRO
    - Home Directory
    - Host Header Name: WWW.TEST<sub>xx</sub>.PRO
  - WWW.S<sub>xx</sub>.TEST<sub>xx</sub>.PRO
    - Home Directory
    - Host Header Name: **WWW.S<sub>xx</sub>.TEST<sub>xx</sub>.PRO**

# Thiết lập cấu hình Web Site (tt)

---

- Truy xuất các Web Site đã tạo từ máy Sxx, Wxx
  - Chú ý: thông số DNS server trong thông số IP của các máy
- Chuyển card mạng của máy Wxx sang VMNet8:
  - Điều chỉnh địa chỉ IP để truy xuất các web sites từ máy Wxx

## 5. Thiết lập cấu hình Mail Server

---

- Cài đặt Mail Server trên máy Sxx
  - Administrative Tools
  - Configure Your Server Wizard
  - Chọn Mail server (POP3, SMTP)
  - Domain: TESTxx.PRO



# Thiết lập cấu hình Mail Server (tt)

---

- Administrative Tools → POP3 Service
- Add mailbox trong TEST<sub>xx</sub>.PRO:
  - mail1
  - mail2
- Dùng Outlook Express để tạo và gửi mail:
  - [mail1@testxx.pro](mailto:mail1@testxx.pro) trên S<sub>xx</sub>
  - [mail2@testxx.pro](mailto:mail2@testxx.pro) trên W<sub>xx</sub>

# Thiết lập cấu hình Mail Server (tt)

---

- Dùng Windows Explorer kiểm tra tình trạng các mailbox trong quá trình gửi nhận.
  - Trên Sxx: C:\Inetpub\mailroot\Mailbox